TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ N VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2024/HS-ST
Ngày 08- 5- 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ N VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Phạm Anh Tuyết

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Dương Thị Kim Hồng

Ông Vũ Nguyên Đăng

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Hoàng Hữu T - Thư ký Tòa án nhân tỉnh Hải Dương

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa*****:** Bà Nguyễn Thị Thanh Minh - Kiểm sát viên

Ngày 08 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 17/2024/TLST- HS ngày 27 tháng 3 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2024/QĐXXST-HS ngày 24/4/2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Thị D**, sinh năm 1976; Nơi cư trú: thôn Đ, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Nghề nghiệp: Lo động tự do; Trình độ học vấn: 4/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Con ông Vũ Văn Đ và bà Nguyễn Thị X; Gia đình có 05 chị em, bị cáo là con lớn nhất; Có chồng là Giáp Ngọc N và có 02 con, con lớn sinh năm 2001, con nhỏ sinh năm 2005; *Tiền án, tiền sự:* Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú *(Có mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị D đã được cấp hộ chiếu số C0533828 ngày 07/8/2015, xuất cảnh sang Cộng hòa Síp Lo động từ cuối năm 2015 rồi ở lại cư trú quá hạn nên bị trục xuất về Việt Nam năm 2018. Đầu năm 2019, do có nhu cầu quay trở lại Cộng hòa Síp Lo động, biết mình không thể sử dụng giấy tờ cũ nên D liên hệ được người đàn ông ở Hải Dương khoảng 50 tuổi, hiện không nhớ tên và số điện

thoại làm hộ chiếu giả để xuất cảnh, người này đồng ý với chi phí 10.000.000 đồng. D gặp và được người này đưa cho 01 mảnh giấy ghi thông tin của Vũ Thị L, sinh ngày 26/5/1977, trú tại xã Gia Lương, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương dặn về học thuộc rồi đưa D đi chụp ảnh thẻ.

Quá trình điều tra vụ án trước đây đã xác định: Nguyễn Xuân N, sinh năm 1959 ở thôn C, xã A, thành phố Hải Dương là người dán ảnh, viết thông tin trên tờ khai căn cước công dân, giấy khai sinh mang tên Vũ Thị L. Sau đó N mang đến nhờ Nguyễn Hùng T, sinh năm 1954, trú tại thôn Đ, xã G, huyện G – cán bộ tư pháp xã G đã nghỉ hưu làm thủ tục xin cấp Căn cước công dân (viết tắt là CCCD) cho Vũ Thị L. T đã sử dụng sổ hộ khẩu do Nguyễn Xuân T1, sinh năm 1957, trú tại thôn Đ, xã G nguyên Trưởng Công an xã G đã nghỉ hưu ký, đóng dấu đưa cho T từ trước đó. T đã mang tờ khai CCCD, sổ hộ khẩu mang tên Vũ Thị L ghi nơi thường trú xã Gia Lương, huyện Gia Lộc cùng tờ khai CCCD của 03 người khác đến gặp và nhờ ông Nguyễn Doãn T – Phó trưởng Công an xã G nói là người nhà của mình, do công việc bận họ không có mặt để nhờ xác nhận tờ khai đề nghị cấp CCCD. Tin tưởng T nên ông T2 đã xác nhận vào tờ khai CCCD cho 04 người, trong đó có trường hợp Vũ Thị L; Trước, trong và sau khi ông T2 xác nhận vào các tờ khai CCCD đó, T không hứa hẹn cho ông T2 hưởng lợi ích gì. Sau đó T đưa cho Nguyễn Xuân N các giấy tờ sổ hộ khẩu, tờ khai căn cước công dân, giấy khai sinh, trích lục kết hôn mang tên Vũ Thị L.

Các giấy tờ trên được người đàn ông D thuê đưa D đi sử dụng làm thủ tục, được Phòng Cảnh sát quản lý hành chính và trật tự xã hội Công an tỉnh Hải Dương cấp CCCD số 030177005820; Cục quản lý xuất nhập cảnh Bộ Công an cấp hộ chiếu số C7079491 ngày 03/4/2019 mang tên Vũ Thị L có hộ khẩu thường trú tại xã Gia Lương, huyện Gia Lộc, ảnh trên hộ chiếu là của D. D đã thanh toán đầy đủ số tiền 10.000.000 đồng cho người đàn ông này theo thỏa thuận. Sau khi có hộ chiếu, thông qua môi giới, D đã thuê người này làm thủ tục cho D xuất cảnh sang Cộng hòa Síp để Lo động với chi phí 3.200 USD (D không biết thông tin cụ thể và đặc điểm của người này). Ngày 24/7/2019, D xuất cảnh sang Cộng hòa Síp, đến ngày 11/12/2023, D sử dụng hộ chiếu trên nhập cảnh trở lại Việt Nam thì bị phát hiện.

Kết luận giám định số 89 ngày 29/10/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hải Dương, số 1151 ngày 20/4/2020 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an xác định: Chữ viết tại phần kê khai thông tin trên tờ khai CCCD (trừ chữ viết tại mục số điện thoại "016553319605"), giấy khai sinh đứng tên Vũ Thị L là chữ viết của Nguyễn Xuân N; Chữ viết, chữ ký tại phần xác nhận trên tờ khai CCCD đứng tên Vũ Thị L là của Lê Doãn T2; Chữ ký xác nhận "Mục chủ tịch" mang tên Phạm Văn V trên Giấy khai sinh của Vũ Thị L không phải chữ ký của ông Phạm Văn V (Phó Chủ tịch UBND xã G); Chữ ký xác nhận "Mục

chủ tịch" và "người ký trích lục" mang tên Nguyễn Văn Hoàn trên trích lục kết hôn của Vũ Thị L không phải chữ ký của ông Nguyễn Văn Hoàn (Chủ tịch UBND xã Gia Lương); Hình dấu tròn có nội dung "U.B.N.D xã Gia Lương – huyện Gia Lộc – T. Hải Dương" trên tờ khai CCCD và giấy khai sinh đứng tên Vũ Thị L so với hình dấu của UBND xã Gia Lương do cùng một con dấu đóng ra; Hình dấu tròn có nội dung "U.B.N.D xã Gia Lương – huyện Gia Lộc – T. Hải Dương" trên trích lục kết hôn đứng tên Vũ Thị L không phải do cùng một con dấu đóng ra; Chữ viết trên tờ khai xin cấp hộ chiếu mang tên Vũ Thị L không phải của Nguyễn Hùng T, Nguyễn Xuân N, Nguyễn Xuân T1, Lê Doãn T2.

Kết luận giám định số 15 ngày 16/01/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hải Dương xác định: Dấu vân tay in trong Tờ khai chứng minh nhân dân và Chỉ bản mang tên Vũ Thị L là của Nguyễn Thị D.

Tại Cáo trạng số: 22/CT-VKS-P1 ngày 26/3/2024, Viện kiểm sát nhân tỉnh Hải Dương truy tố Nguyễn Thị D về tội Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 1 Điều 341 của Bộ luật Hình sự.

***Tại phiên tòa:**

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị D phạm tội Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức. Áp dụng khoản 1 Điều 341, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự; Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Xử phạt bị cáo D từ 06 đến 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng, thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo D cho UBND xã Trường Sơn, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng. Về án phí: Buộc bị cáo D phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo D khai nhận hành vi phạm tội của mình, đề nghị giảm nhẹ hình phạt và xin được cải tạo tại địa phương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử là hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra và phù hợp với các kết luận giám định, các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Đầu năm 2019, Nguyễn Thị D đã liên hệ thuê người làm hồ sơ, thủ tục xuất cảnh sang nước Cộng hòa Síp và được người khác (hiện chưa xác định là ai) cung cấp tờ khai cấp căn cước công dân, bản sao giấy khai sinh, bản sao chứng thực sổ hộ khẩu và bản sao chứng thực giấy chứng nhận kết hôn ghi thông tin cá nhân mạo danh người mang tên Vũ Thị L có hộ khẩu thường trú tại xã Gia Lương, huyện Gia Lộc. Trong đó tờ khai cấp căn cước công dân, bản sao giấy khai sinh được UBND xã Gia Lương và Công an xã Gia Lương xác nhận. D đã sử dụng các giấy tờ trên đề nghị sau đó được cấp căn cước công dân số 030177005820, rồi D sử dụng căn cước công dân này làm thủ tục để được cấp hộ chiếu số C7079491 ngày 03/4/2019 mạo tên công dân Vũ Thị L. Ngày 24/7/2019, D sử dụng hộ chiếu trên xuất cảnh sang Cộng hòa Síp. Do đó, hành vi của bị cáo D thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức theo quy định tại khoản 1 Điều 341 của Bộ luật Hình sự nên việc Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương truy tố bị cáo Nguyễn Thị D về tội phạm trên là có căn cứ pháp luật, đúng người, đúng tội.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính, ảnh hưởng đến hoạt động bình thường và uy tín của cơ quan Nhà nước, làm mất trật tự trị an xã hội. Vì vậy, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự và phải chịu một hình phạt tương xứng với tính chất hành vi phạm tội và hậu quả tội phạm bị cáo đã gây ra mới có tác dụng giáo dục riêng đối với bị cáo và góp phần vào việc phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo D thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Về nhân thân: Bị cáo không có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng, do trình độ văn hóa thấp, hiểu biết pháp luật còn hạn chế nên bị cáo đã nhờ người làm hộ chiếu giả mạo người khác để sử dụng xuất cảnh đi Lo động với mục đích tạo thu nhập cho gia đình do có hoàn cảnh kinh tế gặp khó khăn.

[5] Về hình phạt: Xét tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, hậu quả tội phạm bị cáo D đã gây ra, vai trò, nhân thân, các tình tiết

giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và điều kiện hoàn cảnh hiện tại của bị cáo thì thấy không cần thiết buộc bị cáo phải cách ly khỏi xã hội, cho bị cáo được hưởng án treo cũng đủ giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội. Ngoài hình phạt chính cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo D là đúng quy định tại khoản 4 Điều 341 của Bộ luật Hình sự.

[6] Về vật chứng: Đối với 01 hộ chiếu số C7079491 ngày 03/4/2019 mạo tên công dân Vũ Thị L là vật chứng liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo, cần tiếp tục lưu giữ tại hồ sơ vụ án theo quy định của pháp luật.

[7] Về án phí: Bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

[8] Về các nội dung khác:

Trong vụ án này, Nguyễn Xuân T1 và Nguyễn Hùng T đã được xét xử tại Bản án hình sự sơ thẩm số 06/2021/HS-ST ngày 20/01/2021; Nguyễn Xuân N đã được xét xử tại Bản án hình sự sơ thẩm số 45/2022/HS-ST ngày 14/9/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương; Đối với người đàn ông đã làm thủ tục cấp căn cước công dân, hộ chiếu cho Nguyễn Thị D và người làm thủ tục cho D xuất cảnh sang Cộng hòa Síp hiện không xác định được là ai nên không có căn cứ xử lý là đúng quy định nên không đặt ra việc xem xét, giải quyết;

Đối với hành vi làm giả và sử dụng các giấy tờ giả của 04 trường hợp mạo tên Trần Thị Mận, Nguyễn Thị Xuyên, Nguyễn Thị Nữ, Đoàn Thị Lơ có đăng ký thường trú tại xã Gia Lương, huyện Gia Lộc hiện chưa xác định được danh tính thật là ai, ở đâu; chưa làm rõ được ai là người làm thủ tục đưa 04 trường hợp trên xuất cảnh ra nước ngoài nên Cơ quan An ninh điều tra đã Quyết định tách vụ án hình sự số 47 ngày 23/3/2024 để tiếp tục điều tra, làm rõ là đúng quy định nên không đặt ra việc xem xét, giải quyết;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 và khoản 4 Điều 341; điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 1, 2 và 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự. Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án, xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị D phạm tội Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức.

2. Về hình phạt:

2.1.Về hình phạt chính: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị D 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo; thời gian thử thách 18 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Thị D cho Ủy ban nhân dân xã Trường Sơn, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án treo.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm N vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 68 và khoản 3 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

2.2.Về hình phạt bổ sung: Buộc bị cáo Nguyễn Thị D phải nộp 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) sung vào công quỹ Nhà nước.

3. Về vật chứng: Lưu giữ tại hồ sơ vụ án 01 hộ chiếu số C7079491 ngày 03/4/2019 mang tên công dân Vũ Thị L.

4. Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Thị D phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Bị cáo D được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:
- Vụ giám đốc kiểm tra 1- TAND tối cao.
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Hải Dương;
- CQANĐT, CQTHAHS - CA tỉnh Hải Dương;
- Phòng HSNV - CA tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- Bị cáo;
- Lưu: VP, Tòa Hình sự, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Anh Tuyết